

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình:
Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk Ha, huyện Đắk Glong**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 28/12/2016, Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 và Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành các gói thầu số 07,08 và 09 thuộc công trình: Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk Ha, huyện Đắk Glong;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 100/TTr-STC ngày 17 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

1. Công trình: Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk Ha, huyện Đắk Glong.
2. Chủ đầu tư: UBND huyện Đắk Glong.
3. Đơn vị thi công gói thầu xây lắp:
 - Gói thầu số 07: Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Việt Đức;
 - Gói thầu số 08: Liên danh Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Anh Dũng;
 - Gói thầu số 09: Công ty cổ phần đầu tư Hòa Bình (nay là Công ty cổ phần đầu tư đô thị Hòa Bình Xanh);

- Gói thầu số 13: Liên danh Công ty xây dựng Tân Trường Phát - Khoa Dũng - Anh Dũng.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Đắc Ha, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắk Nông.

5. Thời gian thi công:

- Gói thầu số 07: Khởi công: 02/01/2011; hoàn thành: 05/9/2014;

- Gói thầu số 08: Khởi công: 17/5/2011; hoàn thành: 17/02/2014;

- Gói thầu số 09: Khởi công: 20/9/2010; hoàn thành: 14/4/2014;

- Gói thầu số 13: Khởi công: 16/10/2012; hoàn thành: 20/01/2016.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	132.614.794.000	126.592.778.000	6.022.016.000
- Ngân sách	62.017.029.000	55.995.013.000	6.022.016.000
- Vốn JICA SPL VI	70.597.765.000	70.597.765.000	0

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	133.086.000.000	132.614.794.000
- Chi phí xây dựng	104.434.000.000	120.855.090.000
- Chi phí quản lý dự án	1.588.000.000	1.642.352.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.309.000.000	3.880.169.000
- Chi phí khác	1.274.000.000	1.152.019.000
- Chi phí giải phóng mặt bằng	4.740.000.000	5.085.164.000
- Chi phí dự phòng	16.741.000.000	

Tổng số chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Một trăm ba mươi hai tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	132.614.794.000			
- Tài sản cố định	132.614.794.000			
- Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	132.614.794.000	
- Vốn Ngân sách	62.017.029.000	
- Vốn JICA SPL VI	70.597.765.000	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 11/4/2017 là:

- Tổng nợ phải trả : 6.022.016.000 đồng.
- Tổng nợ phải thu : 0 đồng.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư, nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

d) Trong thời hạn 06 tháng kể từ khi có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của công trình tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: Đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
UBND huyện Đăk Glong	132.614.794.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn giám sát: Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

c) Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên chịu trách nhiệm trước pháp luật, chủ đầu tư và cơ quan sử dụng kết quả kiểm toán về nội dung và tính đúng đắn của số liệu trong báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk Glong và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH (Va).

06

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bón

Phụ lục

CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Công trình: Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đăk Ha, huyện Đăk Glong

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
	Tổng số	132.614.794.000	126.592.778.000	6.022.016.000		
I	Chi phí xây dựng	120.855.090.000	116.488.042.000	4.367.048.000		
1	Chi phí xây dựng gói thầu số 07	33.517.379.000	33.517.379.000	0		Đã quyết toán
2	Chi phí xây dựng gói thầu số 08	9.417.933.000	9.417.933.000	0		Đã quyết toán
3	Chi phí xây dựng gói thầu số 09	8.700.320.000	8.487.196.000	213.124.000		Đã quyết toán
4	Chi phí xây dựng gói thầu số 13	69.219.458.000	65.065.534.000	4.153.924.000		
4.1	Công ty TNHH Tân Trường Phát	41.135.321.000	40.146.678.000	988.643.000		
4.2	Công ty TNHH MTV Anh Dũng	19.041.860.000	16.169.869.000	2.871.991.000		
4.3	Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Khoa Dũng	9.042.277.000	8.748.987.000	293.290.000		
II	Chi phí quản lý dự án	1.642.352.000	1.542.353.000	99.999.000		
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.880.169.000	3.800.626.000	79.543.000		
1	Chi phí tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư	497.934.000	480.000.000	17.934.000		
2	Chi phí tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT	1.145.900.000	1.100.000.000	45.900.000		
3	Chi phí tư vấn thẩm tra TKBVTC-DT (Công ty TNHH tư vấn xây dựng Trường Sơn)	84.173.000	84.173.000			
4	Chi phí tư vấn thẩm tra TKBVTC-DT (Công ty TNHH tư vấn xây dựng Đại Thành Phát)	86.092.000	86.092.000			
5	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	203.434.000	203.432.000	2.000		
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng gói thầu số 07	674.214.000	674.214.000			Đã quyết toán
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng gói thầu số 08	188.170.000	181.991.000	6.179.000		Đã quyết toán
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng gói thầu số 09	173.940.000	164.412.000	9.528.000		Đã quyết toán
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng gói thầu số 13	826.312.000	826.312.000			

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
IV	Chi phí khác	1.152.019.000	87.881.000	1.064.138.000		
1	Chi phí bảo hiểm công trình gói thầu số 07	57.686.000	57.567.000	119.000		Đã quyết toán
2	Chi phí bảo hiểm công trình gói thầu số 08	15.791.000	15.738.000	53.000		Đã quyết toán
3	Chi phí bảo hiểm công trình gói thầu số 09	14.597.000	14.576.000	21.000		Đã quyết toán
4	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	11.200.000		11.200.000		
5	Chi phí kiểm toán	811.465.000		811.465.000		
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	241.280.000	0	241.280.000		
V	Chi phí giải phóng mặt bằng	5.085.164.000	4.673.876.000	411.288.000		
1	Chi trả cho các hộ dân	4.609.849.000	4.407.266.000	202.583.000		
2	Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	227.729.000	123.895.000	103.834.000		
3	Chi phí tư vấn xác minh hiện trạng rừng và đo đạc địa chính phục vụ GPMB	247.586.000	142.715.000	104.871.000		